EM LÀM ĐƯỢC NHỮNG GÌ?
(2 tiết)

A. Mục tiêu

1. Kiến thức, kĩ năng:

Ôn tập về số và phép tính:

Viết số thành tổng theo cấu tạo thập phân của số.

– So sánh giá trị các biểu thức.

– Thực hiện các phép tính cộng, trừ trong phạm vi 100 000.

– Tìm thành phần chưa biết của phép tính.

– Giải quyết vấn đề đơn giản liên quan đến ý nghĩa phép tính.

2. Năng lực chú trọng: tư duy và lập luận toán học; mô hình hoá toán học; giao tiếp toán học; sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

3. Tích hợp: Toán học và cuộc sống.

Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

B. Thiết bị dạy học

GV: Các thẻ số Luyện tập 1 (nếu cần).

C. Các hoạt động dạy học chủ yếu

KHỞI ĐỘNG

Trò chơi AI NHANH HƠN?

GV viết hai số lên bảng. (*Lưu ý:* chọn số khi tính toán có nhớ không quá 2 lần và nhớ không liên tiếp.)

HS tính tổng, hiệu hai số đó (bảng con), gọi tên các thành phần của phép tính.

LUYỆN TẬP

Bài 1:

– HS nhóm đôi **tìm hiểu**, nhận biết yêu cầu của bài.

– HS **thực hiện** cá nhân rồi chia sẻ với bạn.

– Sửa bài: GV có thể cho HS chơi tiếp sức, gắn thẻ (số và tổng) phù hợp, khuyến khích HS **giải thích** cách làm.

Tổng → Viết thành số → Chọn.

– Sau khi sửa bài:

+ GV chỉ vào các chữ số của số có năm chữ số (không theo thứ tự).

→ HS nói giá trị chữ số theo hàng.

+ GV giúp HS khái quát hoá mối quan hệ giữa các hàng đã học.

(1 trăm nghìn = 10 chục nghìn, ...)

Bài 2:

– HS **tìm hiểu** bài, **thảo luận** theo nhóm bốn.

– HS **thực hiện** cá nhân, **chia sẻ** nhóm bốn.

– Khi sửa bài, GV khuyến khích HS **giải thích**.

HS có thể thực hiện theo các cách khác nhau.

Ví dụ: a) 29 150 .?. 29 000 + 15

+ Tính toán: 29 150 .?. 29 015

+ Dựa vào cấu tạo số: 29 000 + 150 .?. 29 000 + 15

Bài 3:

– HS **thực hiện** cá nhân.

– Sửa bài, HS **trình bày** cách làm.

GV hỏi để hệ thống hoá:

- Cách đặt tính?
- Cách tính (nếu có nhớ thì sao)?
- Nên giới thiệu cách kiểm tra kết quả (dùng mối quan hệ cộng, trừ; riêng đối với phép cộng, có thể dùng thêm tính chất giao hoán để kiểm tra).

Bài 4:

– HS **thực hiện** cá nhân.

– Khi sửa bài, GV khuyến khích HS **giải thích**.

HS có thể thực hiện theo các cách khác nhau.

Ví dụ: a) 4 000 + .?. = 10 000

A. 6 000 B. 60 000 C. 14 000

+ Cộng nhẩm: 4 nghìn + 6 nghìn = 10 nghìn.

+ Chọn các số để bài cho để thử.

+ Quan hệ cộng, trừ: 10 000 – 4 000 = .?.

+ Tìm thành phần trong phép cộng:

Xác định tên thành phần.

→ Nhớ lại quy tắc

→ Áp dụng quy tắc

→ Thử lại.

Bài 5:

– HS nhóm đôi **tìm hiểu** bài, có thể **vẽ** đơn giản để **nhận biết** cái đã cho và cái phải tìm.

– HS **tìm** cách làm.

Gộp số sách lịch sử và số sách khoa học.

→ Tìm được tổng số sách lịch sử và sách khoa học

→ 10 792 quyển **gồm** tổng trên **và** số sách văn học

(**tách** 10 792 thành tổng trên và số sách văn học)

→ Tìm được số sách văn học.

– HS **làm bài** cá nhân.

Bài giải

2 540 + 3 650 = 6 190

Có tất cả 6 190 quyển sách lịch sử và sách khoa học.

10 792 – 6 190 = 4 602

Có 4 602 quyển sách văn học.

– Sửa bài: GV khuyến khích nhiều nhóm **trình bày** bài giải, **giải thích** cách làm.

Lưu ý: HS có thể chọn cách giải khác (như trừ lần lượt sách lịch sử và sách khoa học), hợp lí và tìm được kết quả đúng thì công nhận.

Mở rộng: GV nói về các ích lợi của việc đọc sách, nên chọn loại sách nào, thái độ lịch sự khi vào thư viện đọc sách, ...

CỦNG CỐ

GV có thể cho HS chơi "TÌM BẠN".

– GV cho HS viết một số bất kì (trong phạm vi 100 000) vào bảng con.

– GV viết một số lên bảng, ví dụ: 80 172.

– GV: "Bạn của tôi, bạn của tôi."

HS: "Là ai, là ai?"

GV: "Bạn có số bé hơn 80 172."

Các HS có bảng ghi số bé hơn 80 172 đứng lên giơ bảng xoay một vòng tại chỗ và hô to: "Tôi đây, tôi đây."

GV mời vài em đọc số của mình rồi so sánh.

Ví dụ: Cô / Thầy mời bạn A: "27 130 bé hơn 80 172" (hoặc 80 172 lớn hơn 27 130).

– GV có thể cho HS chơi tiếp theo nhóm bốn (hoặc một HS lên điều khiển lớp chơi).

NHÂN SỐ CÓ NĂM CHỮ SỐ VỚI SỐ CÓ MỘT CHỮ SỐ
(3 tiết)

A. Mục tiêu

1. Kiến thức, kĩ năng:

– Khái quát cách nhân số có năm chữ số với số có một chữ số (có nhớ không quá hai lần và nhớ không liên tiếp).

– Tính nhẩm, tính giá trị của biểu thức.